

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2024/DS-ST**

Ngày: 06/8/2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tông và bà Nguyễn Thị Tàu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vào ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 105/2024/TLST-DS ngày 20/5/2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Ông C, bà N1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị N1 có vay của bà N số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu triệu đồng), bà N1 có viết giấy mượn tiền, ký tên và điểm chỉ vào giấy. Tại giấy mượn tiền nêu trên, các bên không có thỏa thuận về vấn đề tiền lãi, mức lãi suất và thời hạn trả nợ. Khi mượn tiền, bà N1 nói mục đích là đáo hạn ngân hàng. Từ đó đến nay, bà N đã đòi nợ nhiều lần nhưng bị đơn hứa hẹn khi nào bán nhà thì sẽ trả nợ, vì là chỗ hàng xóm và có mối quan hệ họ hàng với nhau nên tin tưởng và đồng ý. Tuy nhiên sau nhiều lần hứa hẹn đến nay bà N1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N theo như giấy mượn tiền nêu trên. Do đó ngày 14/5/2024, bà N có làm đơn khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N1 phải trả cho bà N số tiền đã vay là 160.000.000đ (một

trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh mới mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 12/12/2021 đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, xác định chỉ khởi kiện bà Nguyễn Thị N1. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 12/12/2021, với mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, bà N1 còn phải tiếp tục trả nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm trên số nợ gốc còn lại cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Thừa nhận ngày 12/12/2021, bà N1 có vay của bà N số tiền 160.000.000đ, bà N1 có ký tên và điểm chỉ vào giấy vay tiền theo như giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp là đúng. Khi vay tiền, bà N1 có nói vay để đáo hạn ngân hàng nhưng thực chất bà N1 vay để trả nợ cá nhân của bà N1, ông C (chồng bà N1) thường xuyên đi biển nên không biết và không liên quan đến khoản vay này. Do đó, bà N1 thừa nhận còn nợ bà Lê Thị N số tiền gốc 160.000.000đ theo như bà N khởi kiện là đúng. Bà N yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 12/12/2021 đến nay trên số tiền gốc đến khi trả hết nợ thì bà N1 đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với số tiền đã cho vay, giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn C, xác định yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N1 phải trả cho bà N số tiền đã vay là 160.000.000đ, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, do đó căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 BLTTDS 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị N1 có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt ông C, bà N1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024, nguyên đơn bà N khởi kiện ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền đã vay 160.000.000đ và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm theo giấy vay tiền ngày 12/12/2021 cho đến khi hết nợ. Bị đơn bà N1 trình bày đây là khoản nợ của cá nhân bà N1, bà N1 vay để trả nợ cá nhân và sử dụng vào mục đích cá nhân,

ông C (chồng bà N1) thường xuyên đi biển nên không biết và không liên quan đến khoản vay này. Bà N thừa nhận vào thời điểm vay chỉ có một mình bà N1. Do đó nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà N.

3.2. Tại phiên tòa, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 12/12/2021 theo giấy vay tiền đã ký kết cho đến khi hết nợ vì lý do hiện tại vợ chồng bà N1 đang gặp nhiều khó khăn, giữa bà N và vợ chồng bà N1 có mối quan hệ họ hàng và cũng là hàng xóm với nhau nên không yêu cầu tính lãi.

3.3. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn C và rút yêu cầu tính lãi là tự nguyện, không vượt quá phạm vi phạm khởi kiện ban đầu, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, khoản 4 Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi.

3.4. Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 thừa nhận có vay tiền, còn nợ và đồng ý trả nợ nguyên đơn bà N số tiền đã vay 160.000.000đ theo nội dung giấy vay tiền ngày 12/12/2021 có “chữ ký, họ tên Nguyễn Thị N1” và điểm chỉ của bà N1 do nguyên đơn cung cấp là đúng. Hình thức và nội dung giấy vay tiền phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đương sự đã thừa nhận chứng từ vay mượn ngày 12/12/2021 nêu trên nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà N1 phải trả số tiền 160.000.000đ đã vay là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. H lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo giấy vay tiền ngày 12/12/2021;

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N1 thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo giấy vay tiền đề ngày 12/12/2021;

3. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N1 phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 12/12/2021.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà Nguyễn Thị N1 không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền phải trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

5. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N số tiền 4.925.000đ (bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003250 ngày 16/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Trường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hưng